TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 503/2026/DS-PT
Ngày: 19 - 5 - 2026
"V/v tranh chấp QSD đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Thành**

Bà **Ngô Thị Kim Châu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hưng** – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông **Thạch Vũ** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2025/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 479/2026/QĐ-PT ngày 29 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông Trần Thái B, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị Bích C, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Cụ Trần Văn T1, sinh năm 1940.

Địa chỉ: A, khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ T2 , theo văn bản ủy quyền ngày 10/6/2025: Ông Trần Thái B, sinh năm 1977 (có mặt).

3.3. Cụ Lê Thị C1 (Chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Thị C1:

3.3.1 Ông Trần Thái B, sinh năm 1977 (có mặt).

3.3.2. Bà Trần Thị Yến P, sinh năm 1970.

3.3.3. Bà Trần Thị Bạch Y, sinh năm 1961.

3.3.4. Bà Trần Thị Hồng Y1, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

3.3.5. Ông Trần Thanh S, sinh năm 1968.

3.3.6. Ông Trần Hòa B1, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: A, khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

3.3.7. Bà Trần Thị Yến A, sinh năm 1972.

Địa chỉ: H, khu phố A, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của cụ C1, theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2025: Ông Trần Thái B, sinh năm 1977 (có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Hồ Văn T, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2021; đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/8/2025 lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hồ Văn T trình bày:

Ông là người quản lý và sử dụng phần đất thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 34, diện tích 138,1m2 loại đất là đất ở nông thôn tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long). Nguồn gốc đất này là do mẹ là bà Hồ Thị H để lại cho ông và hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất này giáp ranh với ông Trần Thái B, quá trình sử dụng ông B có lấn sang phần dất của ông chiều ngang là 0,34m và chiều dài là 6m, tổng cộng là 2,04m^2. Phần đất của ông Trần Thái B thuộc thửa 3267, tờ bản đồ số 01, ông đã nhiều lần yêu cầu ông B phải đập bỏ bức tường để trả lại phần đất mà ông B đã lấn chiếm và được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Đ (cũ) nhưng không thành.

Nay ông yêu cầu ông B phải trả lại cho ông đoạn ranh phía sau có diện tích 2,4m^2 thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại xã T, tỉnh Vĩnh Long. Về bức tường và nếu có mái tôn xây trên tường nhà ông phía sau tại thửa 64-2 và 65-1, tờ bản đồ số 34, thì ông yêu cầu ông B đập bỏ trả lại đất cho ông. Về phần ranh phía trước các điểm A, B, W ông thống nhất ranh với phía ông B, từ điểm W lại phía sau ông yêu cầu ông B đập bỏ bức tường trả lại 2,4m^2.

Tại đơn phản tố ngày 11/8/2025 và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa phiên bị đơn ông Trần Thái B trình bày:

Ông thống nhất đường ranh phía trên tại các điểm A, B, W như ông T. Về phần lam cửa số 1 và lam cửa số 2 và máng nước qua phần ranh của ông là điểm A, B, W thì ông B đồng ý đập bỏ.

Về phần đất tranh chấp từ điểm W đến phía sau, các thửa tranh chấp là 64-2 và 65-1, thửa 34 thì ông không đồng ý vì ông đã xây nhà trên đất của ông. Trên phần tranh chấp này có phần mái tôn của ông T xây qua đất ông thì ông yêu cầu tháo dỡ. Tại phiên tòa, ông B thống nhất nếu có lấn đất ông T thì ông đồng ý bồi thường bằng giá trị như giá hội đồng định giá định.

Ông không có lấn đất ông T và không có xây tường trên đất của ông T. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Bích C thống nhất với trình bày của bị đơn Trần Thái B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2025/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 , khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, 174, 175 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 26, 27, 31, 236 Luật đất đai năm 2024; Điều 22, 27 .

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Văn T đối với bị đơn Trần Thái B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Bích C về "Tranh chấp Quyền sử dụng đất (ranh đất)".

2. Buộc bị đơn Trần Thái B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Bích C phải liên đới trả giá trị 1,2m^2 đất thuộc thửa 64-2 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long (trước là xã Đ, huyện B) tương đương với số tiền

là 2.304.000 đồng (Hai triệu, ba trăm lẽ bốn ngàn đồng) cho nguyên đơn ông Hồ Văn T.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh diện tích 1,2m^2 thuộc thửa 64-2 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long vào trong thửa 65 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long do cụ Lê Bích C2 đứng tên quyền sử dụng đất.

Ông Trần Thái B hoặc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Bích C2 được quyền liên hệ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh diện tích đất 1,2m^2 thuộc thửa 64-2 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long vào trong thửa 65 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long do cụ Lê Bích C2 đứng tên quyền sử dụng đất *(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).*

3. Buộc ông Hồ Văn T phải tháo dỡ phần mái tol lạnh 0,6m^2 ra khỏi thửa đất 64-2 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long để giao đất lại ông Trần Thái B, nhập vào thửa đất 65 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long của cụ Lê Thị C1 đứng tên quyền sử dụng.

4. Ghi nhận giữa ông Hồ Văn T và Trần Thái B, Phạm Thị Bích C thống nhất đường ranh hiện trạng ABW giữa thửa 64 và 65 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long, không có tranh chấp thửa 64-1 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long với diện tích là 1,4m^2.

5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Thái B đối với ông Hồ Văn T về việc tháo dỡ mái tol lạnh 0,2m^2 ra khỏi thửa đất 65-1 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc ông Hồ Văn T phải tháo dỡ mái tol lạnh 0,2m^2 ra khỏi thửa đất 65-1 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 26/9/2025 và ngày 02/10/2025 ông Hồ Văn T kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2025/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Vĩnh Long: Ông T cho rằng cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả gía trị theo định giá là quá thấp gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Ông Yêu cầu căn cứ trích lục bản đồ thửa số 64 (thửa 3268 cũ) theo trích lục bản

đồ năm 2006 vào họa đồ hiện trạng đang tranh chấp để xác định diện tích đất của ông bị lấn chiếm để buộc bị đơn trả lại phần đất lấn chiếm cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Hồ Văn T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông T. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn T. Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 113/2025/DSST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Vĩnh Long**.** Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hồ Văn T còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1.] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T yêu cầu ông Trần Thái B trả lại diện tích đất 2,4 m^2 thuộc thửa 64, tờ bản đồ số 34, tọa lạc xã T, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là xã Đ, huyện B):

Tại cấp sơ thẩm, ông Hồ Văn T và ông Trần Thái B thống nhất đường ranh đất giữa thửa 64 và 65 tờ bản đồ số 34 từ đểm A, B, W là đường thẳng không có tranh chấp.Tại đoạn không tranh chấp AB của thửa 64, 64-1 có lam cửa sổ 1, lam cửa sổ B2 và máng nước của ông Trần Thái B, ông B đã được đập bỏ, hiện trạng không còn, phía ông T cũng xác nhận. Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 34 do cụ Lê Thị C1 là mẹ ruột của Trần Thái B đứng tên Giấy chứng nhận, cụ C1 chết đã để lại di chúc thửa đất này cho Trần Thái B, có sự đồng ý của chồng cụ C1 là Trần Văn T1, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ C1 cũng ủy quyền cho ông Trần Thái B, ông Trần Thái B là

người trực tiếp quản lý sử dụng phần đất này. Giữa nguyên đơn Hồ Văn T và bị đơn Trần Thái B tranh chấp thửa 64-2, tờ bản đồ 34, diện tích là 1,2m^2 và thửa 65-1, tờ bản đồ 34, diện tích 1,2m^2, tổng diện tích là 2,4m^2.

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 64 cho ông Hồ Văn T và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Lê Thị C1 thì các thửa đất này đã được cấp theo số liệu chính quy; Căn cứ vào họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 64-2 diện tích 1,2m^2 thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Văn T, thửa 65-1 diện tích 1,2m^2 thuộc quyền sử dụng của cụ Lê Thị C1. Ông T cho rằng thửa 64-2, 65-1 cũng thuộc quyền sử dụng của ông nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh thửa tách 65-1 diện tích 1,2 m^2 là của ông T. Thửa đất số 64 của ông T đã xác định ranh và ông đã được cấp Giấy chứng nhận từ năm 2014 bằng số liệu chính quy nhưng ông không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

So sánh diện tích theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất (thửa 64-1 đã thống nhất ranh hiện trạng không tranh chấp) thì tổng diện tích thửa 65 và thửa 65-1 trong họa đồ đủ diện tích diện tích 145,1m^2 phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ C1; tổng diện tích thửa 64-2, 65-1 và thửa 64-1 (không tranh chấp) trong họa đồ diện tích 138,3m^2 dư so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 64.

Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T, buộc ông Trần Thái B, bà Phạm Thị Bích Chi T3 lại diện tích 1,2m^2 thuộc thửa 64-2 cho ông T; không buộc ông B, bà Chi T3 lại diện tích 1,2m^2 thuộc thửa 65-1 cho ông T là có căn cứ. Tuy nhiên, thửa 64-2 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long do ông B, bà C1 đã xây dựng nhà (ký kiệu g1), trong quá trình xây dựng nhà và sử dụng thì ông T không có ngăn cản ông B, bà C1 xây dựng nhà; nếu buộc trả bằng quyền sử dụng đất sẽ thay đổi kết cấu căn nhà của ông B, bà C1 nên cấp sơ thẩm buộc ông B, bà Chi trả bằng giá trị quyền sử dụng đất của 1,2m^2 là phù hợp với quy định pháp luật. Cụ thể giá theo Hội đồng định giá ngày 25/4/2025 là 1.920.000 đồng/m^2 nên 1,2m^2 x 1.920.000 đồng = 2.304.000 đồng. Trên thửa đất 64-2 có mái tol lạnh 0,6m^2 của ông Hồ Văn T nên buộc ông T tháo dỡ khỏi thửa đất 64-2, tờ bản đồ số 34 để giao lại quyền sử dụng đất cho ông B, bà C1.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố của ông Trần Thái B yêu cầu ông Hồ Văn T tháo dỡ mái tol lấn qua thửa đất 65-1, tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long: Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và họa đồ hiện trạng sử dụng đất thì thửa 65-1 tờ 34 có phần mái tol lạnh diện tích 0,2m^2 của ông Hồ Văn T xây dựng trên thửa 65-1. Thửa đất số 65 thuộc quyền sử dụng đất của cụ Lê Thị C1, do ông Trần Thái B là người trực tiếp quản lý sử dụng cho nên ông B khởi kiện yêu cầu ông T tháo dỡ phần mái tol lạnh diện tích 0,2m^2 ra khỏi thửa đất 65-1 là có căn cứ.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Trường hợp nguyên đơn có tranh chấp với bị đơn ngoài phạm vi khởi kiện thì nguyên đơn có quyền khởi kiện vụ án khác, theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 113/2025/DS-ST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8, Vĩnh Long.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cáo của ông Hồ Văn T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 113/2025/DS-ST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 , khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, 174, 175 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 26, 27, 31, 236 Luật đất đai năm 2024; Điều 22, 27 .

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Văn T đối với bị đơn Trần Thái B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Bích C về "Tranh chấp Quyền sử dụng đất (ranh đất)":

- Buộc bị đơn Trần Thái B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Bích C phải liên đới trả giá trị 1,2m^2 đất thuộc thửa 64-2 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long (trước là xã Đ, huyện B) tương đương với số tiền là 2.304.000 đồng (Hai triệu, ba trăm lẽ bốn ngàn đồng) cho nguyên đơn ông Hồ Văn T.

- Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh diện tích 1,2m^2 thuộc thửa 64-2 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long vào trong thửa 65 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long do cụ Lê Bích C2 đứng tên quyền sử dụng đất.

- Ông Trần Thái B hoặc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Bích C2 được quyền liên hệ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh diện tích đất 1,2m^2 thuộc thửa 64-2 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long vào trong thửa 65 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long do cụ Lê Bích C2 đứng tên quyền sử dụng đất.

- Buộc ông Hồ Văn T phải tháo dỡ phần mái tol lạnh 0,6m^2 ra khỏi thửa đất 64-2 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long để giao đất lại ông Trần Thái B, nhập vào thửa đất 65 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long của cụ Lê Thị C1 đứng tên quyền sử dụng.

- Ghi nhận giữa ông Hồ Văn T và Trần Thái B, Phạm Thị Bích C thống nhất đường ranh hiện trạng ABW giữa thửa 64 và 65 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long, không có tranh chấp thửa 64-1 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long với diện tích là 1,4m^2.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Thái B: Buộc ông Hồ Văn T phải có nghĩa vụ tháo dỡ mái tol lạnh 0,2m^2 ra khỏi thửa đất 65-1 tờ bản đồ số 34 xã T, tỉnh Vĩnh Long.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho ông Hồ Văn T.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC Tại thành phố Hồ Chí Minh: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND khu vực 8: 01;
- Phòng THADS khu vực 8: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũng

CÁC THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thành Ngô Thị Kim Châu

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũng